

Bản án số: 12/2020/HS-ST
Ngày 13-3-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Luyện;

- Ông Đỗ Xuân Quyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Khánh Sơn - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2020 theo các Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Q**, sinh ngày 12 tháng 10 năm 1988 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Tổ 3, phường BS, quận KA, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Kinh doanh quần áo; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V và bà Hoàng Thị Y; có vợ Phạm Thị Dung và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

2. **Trương Nh**, sinh ngày 12 tháng 9 năm 1992 tại Hải Phòng; ĐKHKTT: Tổ 27, khu 4 phường VN, quận LC, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện tại: Số 15/62 Dư Hàng, phường Dư Hàng, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn N và bà Nguyễn Thị H; có vợ Phạm Thị Thu Thủy và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Đoàn H, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ dân phố Quý Kim 2, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Phạm H, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 4/31 khu dân cư Phú Hải 2, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.
3. Nguyễn Q, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 10 thôn Tiểu Trà, phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.
4. Phạm N, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn Phong Cầu, xã Đại Đồng, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.
5. Hoàng H, sinh năm 1973; địa chỉ: Đội 4, xã Đại Đồng, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.
6. Đặng T, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố Hòa Bình, phường Ngọc Hải, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.
7. Hoàng L, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 14, Phú Hải 3, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.
8. Phạm C, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ 6, phường Bàng La, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.
9. Đoàn T, sinh năm 2001; địa chỉ: Tổ 6, phường Bàng La, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.
10. Đoàn Đ, sinh năm 1975; địa chỉ: Đại Trà, xã Đông Phương, Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.
11. Nguyễn L, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 329, phường Hợp Đức, Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.
12. Lưu Đ, sinh năm 1952; địa chỉ: Hang Vẹt, phường Vạn Hương, Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.
13. Phạm L, sinh năm 1969; địa chỉ: Khu Tập thể Trường THPT Đồ Sơn, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.
14. Lê C, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ dân phố Nguyễn Huệ, phường Minh Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.
15. Bùi L, sinh năm 1950; địa chỉ: Số 18/205 Tôn Đức Thắng, phường An Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.
16. Đỗ T, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ 5, phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.
17. Phạm L, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 2, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.
18. Lê H, sinh năm 1982; địa chỉ: Cụm dân cư số 1, Tổ dân phố Nguyễn Huệ, phường Minh Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

19. Đặng Đ, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn Lão Phú, xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

20. Nguyễn C, sinh năm 1955; địa chỉ: Tổ dân phố Biên Hòa, phường Bàng La, Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

21. Trần H, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 28 Phấn Dũng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

22. Nguyễn H (là mẹ của bị cáo Trương Nh), sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ 27, Khu 4 Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 6/2018, Nguyễn Đức Q (sinh 1988, ở Tổ 10, Khu 1, BS, quận KA, Hải Phòng) đã đầu tư số tiền khoảng 1.500.000.000 đồng để kinh doanh cho vay lấy lãi, với mức lãi suất từ 121,6% đến 182,5%/năm tùy theo số tiền vay và thời gian vay của từng hợp đồng. Q thuê Trương Nh (sinh 1992, ở số 17/62 Đường, phường Đường, Lê Chân, Hải Phòng) và Nguyễn Thanh Hải (sinh 1992, ở 17/6/89 Tôn Đức Thắng, phường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, Hải Phòng) hàng ngày đi thu tiền đã cho vay; Q thuê người phụ nữ tên Hạnh (chưa rõ lai lịch) làm kế toán; thuê Trịnh Văn Quyết (sinh năm 1995, ở tổ 15, Hưng Đạo, quận Dương Kinh, Hải Phòng) và Vũ Trọng Tùng (sinh năm 1991, ở số 15/20/303 Chợ Hàng, Đường Kênh, Lê Chân, Hải Phòng) đi dán tờ quảng cáo để mọi người biết liên hệ vay tiền. Cách thức cho vay: Người có nhu cầu vay tiền gọi điện theo số điện thoại trên tờ quảng cáo gặp Nh hoặc Q. Nh hoặc Q sẽ xác minh địa chỉ, điều kiện những người vay, thấy phù hợp thì đồng ý cho vay (nếu người vay có người bảo lãnh thì không cần xác minh), người vay sẽ mang một hoặc một số giấy tờ tùy thân như Chứng minh nhân dân, thẻ căn cước, sổ hộ khẩu, Giấy khai sinh của họ (hoặc người thân) đến địa điểm giao dịch để thỏa thuận về số tiền vay, thời hạn vay, cách thức trả tiền, số tiền trả theo kỳ (ngày) và ký hợp đồng vay tiền, nhận tiền. Số tiền ký trên hợp đồng bằng số tiền khách vay thực nhận cộng với tổng số tiền lãi mà khách phải trả (khi thực hiện xong hợp đồng), lãi suất do Q và Nh ấn định. Việc giao dịch chủ yếu do Q thực hiện, sau khi cho vay, toàn bộ hồ sơ, thủ tục Q đưa cho Hạnh quản lý và nhập vào máy tính, lập bảng theo dõi, hàng ngày Hạnh sẽ gửi bảng tính thông qua tin nhắn cho Q, Nh, Hải để làm căn cứ thu tiền của khách vay. Q thỏa thuận trả công cho Nh, Hải bằng 70% tổng số tiền lãi thu được, trả cho Quyết và Tùng từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng/tháng và trả cho Hạnh 5.000.000 đồng/tháng.

Ngày 12 tháng 4 năm 2019, khi Nh đang đi thu tiền cho vay thì Phòng Cảnh sát hình sự Công an thành phố Hải Phòng phát hiện kiểm tra thu giữ số tiền

5.350.000 đồng, 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu vàng có số imei 354403063795163, Model A1549 và 01 xe máy biển kiểm soát 15B1- 636.49. Căn cứ lời khai của Nh, Cơ quan điều tra triệu tập Nguyễn Đức Q để xác minh làm rõ và thu giữ 01 điện thoại Iphone màu trắng có số imei 359169075628743.

Tiến hành giám định điện thoại các đối tượng tại phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng, phát hiện và thu giữ dữ liệu 02 bảng tính trong điện thoại của Q, Nh do Hạnh gửi đến làm căn cứ thu tiền của khách. Tại bảng tính do Nh trực tiếp đi thu thể hiện có 48 lượt người đã làm thủ tục vay tiền từ tháng 6/2018 đến ngày 12/4/2019 với tổng số tiền cho vay là 850.000.000đ và số tiền lãi thu được của 21 người là 44.175.000 đồng.

Tiến hành xác minh những người vay tiền theo danh sách thu giữ từ điện thoại của Nh và Q, Cơ quan điều tra đã chứng minh, làm rõ được 21 người vay tiền, cụ thể:

1. Đoàn H, sinh năm 1972, ở Quý Kim 2, Hợp Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng, ngày 08/4/2019, vay 20.000.000 đồng, ký hợp đồng 24.000.000 đồng, mỗi ngày phải trả 400.000 đồng, thời hạn trả 60 ngày, tương đương lãi suất 121,6%/năm. Tính đến ngày 12/4/2019, chị Huy đã trả được 4 ngày là 1.600.000 đồng, gồm: tiền gốc là 1.336.000 đồng, tiền lãi là 264.000 đồng, trong đó lãi vượt quy định của Bộ luật Dân sự là 222.800 đồng.

2. Phạm H, sinh năm 1973 ở số 4/31, Phú Hải 2, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng, ngày 04/4/2019, vay 10.000.000 đồng, ký hợp đồng 12.000.000 đồng, mỗi ngày trả số tiền 300.000 đồng, thời hạn trả 40 ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm. Tính đến ngày 12/4/2019 chị Huyền đã nộp được 8 ngày là 2.400.000 đồng, gồm: tiền gốc là 2.000.000 đồng, tiền lãi là 400.000 đồng, trong đó lãi vượt quy định của Bộ luật Dân sự là 356.100 đồng.

3. Nguyễn Q, sinh năm 1982 ở Tổ 10, Tiểu Trà, phường Hưng Đạo, Dương Kinh, Hải Phòng, ngày 02/4/2019, vay 10.000.000 đồng, ký hợp đồng 12.000.000 đồng, mỗi ngày phải trả 300.000 đồng, thời hạn trả 40 ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm. Tính đến ngày 12/4/2019 anh Quân đã trả được 10 ngày là 3.000.000 đồng, gồm: tiền gốc là 2.500.000 đồng, lãi là 500.000 đồng, trong đó lãi vượt quy định của Bộ luật Dân sự là 445.200 đồng.

4. Phạm N, sinh năm 1959 ở Thôn Phong Cầu, xã Đại Đồng, Kiến Thụy, Hải Phòng, ngày 31/3/2019 vay 5.000.000 đồng, ký hợp đồng 6.000.000 đồng, mỗi ngày trả số tiền 150.000 đồng, thời hạn trả 40 ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm. Tính đến ngày 12/4/2019 chị Ngân đã nộp được 12 ngày là 1.800.000 đồng, gồm: tiền gốc là 1.500.000 đồng, lãi là 300.000 đồng, trong đó lãi vượt quy định của Bộ luật Dân sự là 267.100 đồng.

5. Hoàng H, sinh năm 1973, ở Đại Đồng, Kiến Thụy, Hải Phòng, ngày 27/3/2019, vay 5.000.000 đồng, ký hợp đồng 6.000.000 đồng, mỗi ngày trả số tiền 150.000 đồng, thời hạn trả 40 ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm. Tính đến ngày 12/4/2019 đã nộp được 16 ngày tương ứng số tiền là 2.400.000 đồng, gồm: tiền gốc là 2.000.000 đồng, lãi là 400.000 đồng, trong đó lãi vượt quy định của Bộ luật Dân sự là 356.100 đồng.

6. Đặng T, sinh năm 1982, nhà ở Tổ dân phố Hòa Bình, phường Ngọc Hải, Đồ Sơn, Hải Phòng, ký vay 02 hợp đồng:

- Hợp đồng 1: Ngày 27/3/2019, vay 10.000.000 đồng, ký hợp đồng vay là 12.000.000 đồng, mỗi ngày trả số tiền 200.000 đồng, thời hạn trả 60 ngày, tương đương lãi suất 121,6%/năm. Tính đến ngày 12/4/2019, đã nộp 12 ngày tương ứng số tiền là 2.400.000 đồng, gồm: tiền gốc là 2.000.000 đồng, lãi là 400.000 đồng, trong đó lãi vượt quy định của Bộ luật Dân sự là 334.200 đồng.

- Hợp đồng 2: Ngày 27/3/2019, vay 5.000.000 đồng, ký hợp đồng 6.000.000 đồng, mỗi ngày trả số tiền 150.000 đồng, thời hạn trả 40 ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm. Tính đến ngày 12/4/2019 đã nộp 16 ngày với số tiền là 2.400.000 đồng, gồm: tiền gốc là 2.000.000 đồng, lãi là 400.000 đồng, trong đó lãi vượt quy định của Bộ luật Dân sự là 356.100 đồng.

7. Hoàng L, sinh năm 1979, ở số 14, Phú Hải 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng, ngày 24/3/2019, vay 5.000.000 đồng, ký hợp đồng 6.000.000 đồng, mỗi ngày trả số tiền 150.000 đồng, thời hạn 40 ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm. Tính đến ngày 12/4/2019 đã nộp được 19 ngày, số tiền là 2.850.000 đồng, gồm: tiền gốc là 2.375.000 đồng, lãi là 475.000 đồng, trong đó lãi vượt quy định của Bộ luật Dân sự là 422.900 đồng.

8. Phạm C, sinh năm 1971 ở Tổ 6, phường Bàng La, Đồ Sơn, Hải Phòng, ngày 23/3/2019, vay 20.000.000 đồng, ký hợp đồng 24.000.000 đồng, mỗi ngày phải trả 400.000 đồng, thời hạn trả 60 ngày, tương đương lãi suất 121,6%/năm. Tính đến ngày 12/4/2019 anh Chính đã nộp được 19 ngày là 7.600.000 đồng, gồm: tiền gốc là 6.346.000 đồng, lãi là 1.254.000 đồng, trong đó lãi vượt quy định của Bộ luật Dân sự là 1.058.400 đồng.

9. Đoàn T, sinh năm 2001, ở Bàng La, Đồ Sơn, Hải Phòng, ngày 22/3/2019, vay số tiền 15.000.000 đồng, ký giấy vay 18.000.000 đồng, mỗi ngày trả số tiền 300.000 đồng, thời hạn trả 60 ngày, tương đương lãi suất 121,6%/năm. Tính đến ngày 12/4/2019 đã nộp được 19 ngày tương ứng số tiền là 5.700.000 đồng, gồm: tiền gốc là 4.750.000 đồng, lãi là 950.000 đồng, trong đó lãi vượt quy định của Bộ luật Dân sự là 793.800 đồng.

10. Đoàn Đ, sinh năm 1975, ở Đại Trà, Đông Phương, Kiến Thụy, Hải Phòng, ngày 22/3/2019 số tiền vay là 20.000.000 đồng, ký hợp đồng là 24.000.000

đồng, mỗi ngày trả 400.000đ, thời hạn 60 ngày, tương đương lãi suất 121,6%/năm. Tính đến ngày 12/4/2019 đã nộp được 19 ngày là 7.600.000 đồng, gồm: tiền gốc là 6.346.000 đồng, lãi là 1.254.000 đồng, trong đó lãi vượt quy định của Bộ luật Dân sự là 1.058.400 đồng.

11. Nguyễn L, sinh năm 1982, ở số 329 Hợp Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng, ngày 16/3/2019 vay số tiền 25.000.000 đồng, ký hợp đồng vay 25.000.000 đồng, mỗi ngày trả 500.000 đồng, thời hạn trả 60 ngày, tương đương lãi suất 121,6%/năm. Tính đến ngày 12/4/2019 chị Ly đã trả được 25 ngày tương ứng số tiền là 12.500.000 đồng, gồm: tiền gốc là 10.417.000 đồng, lãi là 2.083.000 đồng, trong đó lãi vượt quy định của Bộ luật Dân sự là 1.740.800 đồng.

12. Lưu Đ, sinh năm 1952 ở Hang Vẹt, Vạn Hương, Đồ Sơn, Hải Phòng, ngày 16/3/2019, vay số tiền 10.000.000 đồng, ký hợp đồng 12.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng, thời hạn trả 60 ngày, tương đương lãi suất 121,6%/năm. Tính đến ngày 12/4/2019 đã trả được 27 ngày tương ứng số tiền là 5.400.000 đồng, gồm: tiền gốc là 4.500.000 đồng, lãi là 900.000 đồng, trong đó lãi vượt quy định của Bộ luật Dân sự là 752.000 đồng.

13. Phạm L, sinh năm 1969 ở khu tập thể Trường THPT Đồ Sơn, Hải Phòng, ngày 15/3/2019 vay 20.000.000 đồng, hợp đồng ghi 24.000.000 đồng, mỗi ngày trả số tiền 400.000 đồng, thời hạn trả 60 ngày, tương đương lãi suất 121,6%/năm. Tính đến ngày 12/4/2019 đã nộp được 28 ngày tương ứng là 11.200.000đ, gồm: tiền gốc là 9.334.000 đồng, lãi là 1.866.000 đồng, trong đó lãi vượt quy định của Bộ luật Dân sự là 1.559.700 đồng.

14. Lê C, sinh năm 1975, ở Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng: Ngày 07/3/2019, vay số tiền 50.000.000 đồng, hợp đồng ghi 60.000.000 đồng, mỗi ngày trả 1.000.000 đồng, thời hạn trả 60 ngày, tương đương lãi suất 121,6%/năm. Tính đến ngày 12/4/2019 đã trả được 34 ngày là 34.000.000 đồng, gồm: tiền gốc là 28.334.000 đồng, lãi là 5.666.000đồng, trong đó lãi vượt quy định của Bộ luật Dân sự là 4.735.000 đồng.

15. Bùi L, sinh năm 1950, ở số 18/ 205 Tôn Đức Thắng, An Dương, Lê Chân, Hải Phòng, vay 02 hợp đồng cụ thể:

- Hợp đồng thứ nhất ngày 26/02/2019 vay 50.000.000 đồng, ghi hợp đồng 60.000.000 đồng, mỗi ngày trả 1.000.000 đồng, thời hạn trả 60 ngày, tương đương lãi suất 121,6%/năm. Tính đến ngày 12/4/2019 đã nộp được 44 ngày tương ứng là 44.000.000 đồng, gồm: tiền gốc là 36.666.000 đồng, lãi là 7.334.000 đồng, trong đó lãi vượt quy định của Bộ luật Dân sự là 6.127.700 đồng.

- Hợp đồng thứ 2 ngày 05/3/2019, vay 50.000.000 đồng, ghi hợp đồng 60.000.000 đồng, mỗi ngày đóng số tiền 1.000.000 đồng, thời hạn trả 60 ngày, tương đương lãi suất 121,6%/năm. Tính đến ngày 12/4/2019 đã nộp 37 ngày tương

ứng là 37.000.000 đồng, gồm: tiền gốc là 30.833.000 đồng, lãi là 6.167.000 đồng, trong đó lãi vượt quy định của Bộ luật Dân sự là 5.152.800 đồng.

16. Đỗ T, sinh năm 1975, ở Tổ 5 Vạn Hương, Đồ Sơn, Hải Phòng, vay 02 hợp đồng:

- Ngày 03/2/2019, vay 5.000.000 đồng, ghi hợp đồng 6.000.000 đồng, mỗi ngày trả 150.000 đồng, thời hạn trả 40 ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm. Tính đến ngày 12/4/2019 đã nộp được 26 ngày là 3.900.000 đồng, gồm: tiền gốc là 3.250.000 đồng, lãi là 650.000 đồng, trong đó lãi vượt quy định của Bộ luật Dân sự là 578.700 đồng.

- Ngày 17/2/2019, vay 5.000.000 đồng, ký hợp đồng 6.000.000 đồng (Bà Ngoan ký hợp đồng), mỗi ngày đóng số tiền 150.000đ trong thời hạn 40 ngày. Tính đến ngày 12/4/2019 chị Tươi đã nộp 10 ngày là 1.500.000 đồng, gồm: tiền gốc là 1.250.000 đồng, lãi là 250.000 đồng, trong đó lãi vượt quy định của Bộ luật Dân sự là 222.600 đồng.

17. Phạm L, sinh năm 1984 ở Tổ 2, Hợp Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng, ngày 02/2/2019, vay số tiền 25.000.000 đồng, ký hợp đồng 30.000.000 đồng, mỗi ngày đóng 600.000 đồng, thời hạn trả 50 ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm. Tính đến ngày 12/4/2019 đã nộp được 32 ngày là 19.200.000 đồng, gồm: tiền gốc là 16.000.000 đồng, lãi là 3.200.000 đồng, trong đó lãi vượt quy định của Bộ luật Dân sự là 2.761.600 đồng.

18. Lê H, sinh năm 1982, Cụm dân cư số 1, TDP Nguyễn Huệ, phường Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng, ngày 08/01/2019, vay số tiền 20.000.000 đồng, ký hợp đồng 24.000.000 đồng, mỗi ngày đóng số tiền 400.000 đồng, thời hạn trả 60 ngày, tương đương lãi suất 121,6%/năm. Tính đến ngày 12/4/2019 anh Hải đã nộp được 55 ngày là 22.000.000đ, gồm: tiền gốc là 18.334.000 đồng, lãi là 3.666.000 đồng, trong đó lãi vượt quy định của Bộ luật Dân sự là 3.063.800 đồng.

19. Đặng Đ, sinh năm 1989, ở Thôn Lão Phú, xã Tân Phong, Kiến Thụy, ngày 18/9/2018, vay 25.000.000 đồng, ký hợp đồng 30.000.000 đồng, mỗi ngày trả 600.000 đồng, thời hạn 50 ngày, tương đương lãi suất 146%/năm. Tính đến ngày 12/4/2019 anh Đủ đã nộp 32 ngày là 19.200.000 đồng, gồm: tiền gốc là 16.000.000 đồng, lãi là 3.200.000 đồng, trong đó lãi vượt quy định của Bộ luật Dân sự là 2.761.600 đồng.

20. Nguyễn C, sinh năm 1955, ở TDP Biên Hòa, Bàng La, Đồ Sơn, Hải Phòng, ngày 9/9/2018, vay 50.000.000 đồng, ký hợp đồng 60.000.000 đồng, mỗi ngày đóng số tiền 1.000.000đồng, thời hạn trả 60 ngày, tương đương lãi suất 121,6%/năm. Tính đến ngày 12/4/2019 chị Châm đã nộp được 10 ngày là 10.000.000đ, gồm: tiền gốc là 8.340.000đ, lãi là 1.660.000đ, trong đó lãi vượt quy định của Bộ luật Dân sự là 1.392.600 đồng.

21. Trần H, sinh năm 1980 ở số 28 Phấn Dũng, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng, ngày 25/3/2019, vay 10.000.000 đồng, ký hợp đồng 12.000.000 đồng, mỗi ngày đóng số tiền 300.000 đồng, thời hạn trả 40 ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm. Tính đến ngày 12/4/2019 chị Huệ đã nộp được 18 ngày, tương ứng với số tiền 5.400.000 đồng, gồm: tiền gốc là 4.500.000 đồng, lãi là 900.000 đồng, trong đó lãi vượt quy định của Bộ luật Dân sự là 801.300 đồng.

Tổng số 21 người vay tiền, với 24 hợp đồng, các đối tượng đã thu được tổng tiền lãi là 44.175.000 đồng, tổng tiền lãi được Bộ luật dân sự cho phép (20%/năm) là 6.853.700 đồng, tổng số tiền lãi vượt quy định của Bộ luật Dân sự (thu lời bất chính) là 37.321.300 đồng (*Ba mươi bảy triệu ba trăm hai mươi một nghìn ba trăm đồng*).

Tại Cơ quan điều tra, các bị can Nguyễn Đức Q, Trương Nh đã khai nhận việc cho những người nêu trên vay tiền và thu lãi nặng như nêu trên.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Q, Trương Nh đều khai nhận như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Bị cáo Trương Nh khai đối với 01 xe máy biển kiểm soát 15B1- 636.49 là do bị cáo mượn của mẹ bị cáo là Nguyễn Thị Huệ; bị cáo đứng tên trong Giấy đăng ký vì thời gian đó mẹ bị cáo bị ngã phải nằm viện; mẹ bị cáo không biết việc bị cáo sử dụng xe máy nhằm mục đích phạm tội

Tại phiên tòa bà Nguyễn H (mẹ bị cáo Trương Nh) khai: Bà không biết việc bị cáo Nh sử dụng 01 xe máy biển kiểm soát 15B1- 636.49 đi thu tiền lãi; chiếc xe máy đó là tiền của bà mua và bà sử dụng để đi làm hàng ngày; bà cho bị cáo Nh mượn. Việc đứng tên bị cáo Trương Nh trong Giấy đăng ký là do thời gian đó bà mới mua xe nhưng do bị ngã phải nằm bệnh viện nên bảo Nh đi đăng ký. Bà đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bà 01 xe máy biển kiểm soát 15B1- 636.49 để sử dụng cho việc đi làm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự xử:

1. Phạt tiền bị cáo **Nguyễn Q** số tiền từ 60 đến 70 triệu đồng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Phạt tiền bị cáo **Trương Nh** số tiền từ 50 đến 60 triệu đồng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ đến vụ án phải nộp vào Ngân sách Nhà nước tổng số tiền 249.089.000 đồng cụ thể:

+ **Đoàn H**, sinh năm 1972, ở Quý Kim 2, Hợp Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng, ngày 08/4/2019 phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 18.664.000 đồng.

+ **Phạm H**, sinh năm 1973 ở số 4/31, Phú Hải 2, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 8.000.000 đồng.

+ **Nguyễn Q**, sinh năm 1982 ở Tổ 10, Tiểu Trà, phường Hưng Đạo, Dương Kinh, Hải Phòng phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 7.500.000 đồng.

+ **Phạm N**, sinh năm 1959 ở Thôn Phong Cầu, xã Đại Đồng, Kiến Thụy, Hải Phòng phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 3.500.000 đồng.

+ **Hoàng H**, sinh năm 1973, ở Đại Đồng, Kiến Thụy, Hải Phòng, ngày 27/3/2019 phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 3.000.000 đồng.

+ **Đặng T**, sinh năm 1982, nhà ở Tổ dân phố Hòa Bình, phường Ngọc Hải, Đồ Sơn, Hải Phòng, ký vay 02 hợp đồng tổng số tiền 11.000.000 đồng cụ thể:

Hợp đồng 1: Phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền số tiền 8.000.000 đồng

- Hợp đồng 2: Phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền số tiền 3.000.000 đồng

+ **Hoàng L**, sinh năm 1979, ở số 14, Phú Hải 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 2.625.000 đồng

+ **Phạm C**, sinh năm 1971 ở Tổ 6, phường Bằng La, Đồ Sơn, Hải Phòng phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 13.654.000 đồng

+ **Đoàn T**, sinh năm 2001, ở Bằng La, Đồ Sơn, Hải Phòng phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 10.250.000 đồng

+ **Đoàn Đ**, sinh năm 1975, ở Đại Trà, Đông Phương, Kiến Thụy, Hải Phòng phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 13.654.000 đồng

+ **Nguyễn L**, sinh năm 1982, ở số 329 Hợp Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 14.583.000 đồng

+ **Lưu Đ**, sinh năm 1952 ở Hang Vẹt, Vạn Hương, Đồ Sơn, Hải Phòng phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 5.500.000 đồng

+ **Phạm L**, sinh năm 1969 ở khu tập thể Trường THPT Đồ Sơn, Hải Phòng phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 10.666.000 đồng

+ **Lê C**, sinh năm 1975, ở Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 21.666.000 đồng

+ **Bùi L**, sinh năm 1950, ở số 18/ 205 Tôn Đức Thắng, An Dương, Lê Chân, Hải Phòng, phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền số tiền 32.501.000 đồng vay của 02 hợp đồng cụ thể: Hợp đồng 1: phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền

13.334.000 đồng; Hợp đồng thứ 2: phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 19.167.000 đồng

+ **Đỗ T**, sinh năm 1975, ở Tổ 5 Vạn Hương, Đồ Sơn, Hải Phòng phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền số tiền 5.500.000 đồng vay 02 hợp đồng cụ thể: Hợp đồng 1: phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 1.750.000 đồng và Hợp đồng 2: phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 3.750.000 đồng

+ **Phạm L**, sinh năm 1984 ở Tổ 2, Hợp Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 9.000.000 đồng

+ **Lê H**, sinh năm 1982, Cụm dân cư số 1, TDP Nguyễn Huệ, phường Minh Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 1.666.000 đồng

+ **Đặng Đ**, sinh năm 1989, ở Thôn Lão Phú, xã Tân Phong, Kiến Thụy phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 9.000.000 đồng.

+ **Nguyễn C**, sinh năm 1955, ở TDP Biên Hòa, Bàng La, Đồ Sơn, Hải Phòng phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 41.660.000 đồng

+ **Trần H**, sinh năm 1980 ở số 28 Phấn Dũng, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 5.500.000 đồng.

- Buộc bị cáo **Nguyễn Q** phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 215.561.000 đồng là tiền sử dụng vào việc phạm tội và 5.350.000 đồng thu giữ trong người bị cáo Trương Nh và 6.853.700 đồng tiền lãi (tính theo kỷ phần liên đới là bị cáo Nguyễn Q 30%; bị cáo Trương Nh 70%).

- *Về thu lợi bất chính*: Buộc bị cáo **Nguyễn Q, Trương Nh** phải trả lại số tiền 37.321.300 đồng cho 21 người có quyền lợi liên quan đến vụ án số tiền lãi vượt quá theo Bộ luật Dân sự. Tính theo kỷ phần các bị cáo phải liên đới trả lại là bị cáo Nguyễn Q 30%; bị cáo Trương Nh 70%.

- *Về xử lý vật chứng, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật*: Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 5.350.000 đồng thu giữ trong người bị cáo Trương Nh; 01 điện thoại Iphone 6 màu trắng số Imei 359169075628713, Model A1660 thu của bị cáo Nguyễn Q; 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng số Imei 354403063795163, Model A1549 thu của bị cáo Trương Nh

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Huệ (mẹ của bị cáo Trương Nh): 01 xe máy biển kiểm soát 15B1-636.49 thu giữ của bị cáo Trương Nh.

Các bị cáo nói lời sau cùng, xin được giảm nhẹ hình phạt và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- *Về tố tụng:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- *Về tội danh:* Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở kết luận: Từ khoảng tháng 6/2018 đến ngày 12/4/2019, bị cáo Nguyễn Đức Q tổ chức cho vay lãi nặng để thu lợi, Q thuê bị cáo Trương Nh đi thu tiền đã cho vay, thuê Vũ Trọng Tùng, Trịnh Văn Quyết đi dán tờ quảng cáo, thuê đối tượng Hạnh làm kế toán, lập bảng tính quản lý người vay, số tiền cho vay, việc thu lãi, gốc. Bị cáo Q, Nh đã cho 21 người vay, với 24 hợp đồng vay tiền, tổng số tiền cho vay là 470.000.000 đồng, với lãi suất từ 121,6%/năm đến 182,5%/năm nhằm thu lợi bất chính cụ thể :

[2] Trong tổng số 21 người vay tiền với 24 hợp đồng, các đối tượng đã thu được tổng tiền lãi là 44.175.000 đồng, tổng tiền lãi được Bộ luật dân sự cho phép (20%/năm) là 6.853.700 đồng, tổng số tiền lãi vượt quy định của Bộ luật Dân sự (thu lợi bất chính) là 37.321.300 đồng (*Ba mươi bảy triệu ba trăm hai mươi một nghìn ba trăm đồng*). Do đó hành vi của bị cáo Nguyễn Q và Trương Nh bị xét xử về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố kết luận là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[3] Tính chất vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính mà hành vi phạm tội của bị cáo còn làm cho người vay lâm vào hoàn cảnh khó khăn do phải trả lãi quá cao, làm ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống các tệ nạn xã hội. Do đó, phải xem xét, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

- *Về tình tiết định khung hình phạt:*

[4] Bị cáo Nguyễn Q, Trương Nh đã có hành vi cho 21 người vay tại 24 hợp đồng theo thỏa thuận với lãi suất vay gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự nhằm mục đích thu lợi bất chính số tiền 37.321.300 đồng. Do đó các bị cáo Nguyễn Q, Trương Nh bị xét xử về tội “Cho vay lãi nặng trong giao

dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố kết luận là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

- Về vai trò và hình phạt: Vụ án có đồng phạm, do đó cần phân hóa vai trò của bị cáo Nguyễn Q và Trương Nh để áp dụng mức hình phạt tương xứng.

[5] Bị cáo Nguyễn Q là người tổ chức, cung cấp tiền cho vay lãi nặng để thu lợi, là người thuê bị cáo Trương Nh đi thu tiền cho vay.

[6] Bị cáo Trương Nh có vai trò giúp sức tích cực bị cáo Q trong việc cho vay và thu tiền lãi nặng nhằm mục đích thu lợi. Do đó vai trò của bị cáo Nguyễn Q cao hơn bị cáo Trương Nh. Song cũng xét, các bị cáo đều không có tiền án tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; sau khi phạm tội đều thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Xét tính chất, mức độ, hành vi, phạm tội của các bị cáo và quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự có phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm, tại phiên tòa các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính. Xét thấy các bị cáo có đủ khả năng áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính do đó áp dụng Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo cũng đủ tính răn đe và phòng ngừa tội phạm. Căn cứ vai trò, tính chất mức độ, hành vi của bị cáo Nguyễn Q cao hơn so với bị cáo Trương Nh nên hình phạt tiền bị cáo Q cao hơn so với bị cáo Nh.

[8] Miễn hình phạt bổ sung do các bị cáo đã thi hành hình phạt chính là hình phạt tiền.

[9] Đối với Nguyễn Thanh Hải có dấu hiệu đồng phạm tội cơ quan điều tra đã triệu tập nhiều lần nhưng chưa có mặt, chưa xác định được số tiền thu lợi bất chính của Hải nên chưa đủ căn cứ khởi tố. Do đó kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ, khi có căn cứ sẽ xử lý theo đúng quy định pháp luật tránh bỏ lọt người phạm tội

[10] Đối với người phụ nữ tên Hạnh là người Q thuê làm kế toán 7 đến 8 tháng mỗi tháng trả 5 triệu đồng với nhiệm vụ báo cáo thu chi sổ sách buộc đối tượng Hạnh phải biết các bị cáo cho vay lãi nặng nhưng chưa rõ địa chỉ. Do đó cần kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, khi có căn cứ sẽ xử lý theo đúng quy định pháp luật tránh bỏ lọt người phạm tội

[11] Đối với số tiền gốc của bị cáo Nguyễn Q cho vay số tiền 470.000.000 đồng đây là số tiền sử dụng để thực hiện tội phạm nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước. Do những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chưa trả hết tiền gốc là 249.089.000 đồng cho bị cáo vì vậy cần buộc người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan phải nộp lại số tiền này để sung Ngân sách Nhà nước. Số tiền bị cáo Nguyễn Q đã nhận tiền gốc do 21 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã trả là 220.911.000 đồng tuy nhiên trong số này bị cáo đã bị thu giữ số tiền 5.350.000 đồng nên bị cáo Q còn phải nộp lại số tiền 215.561.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

[12] Đối với khoản tiền lãi 20% mà bị cáo nhận từ những người vay tương đương với số tiền 6.853.700 đồng theo quy định của Bộ luật Dân sự khoản tiền này không tính vào khối lượng buộc tội cho bị cáo. Tuy nhiên đây là số tiền lãi phát sinh từ hành vi phạm tội nên buộc các bị cáo Nguyễn Q và Trương Nh phải liên đới nộp lại tịch thu sung Ngân sách Nhà nước theo tỷ phần bị cáo Trương Nh 70% bằng 4.797.590 đồng; bị cáo Nguyễn Q 30% bằng 2.056.110 đồng.

- Về số tiền thu lợi bất chính: Về nguyên tắc tiền các bị cáo thu lợi từ việc phạm tội phải tịch thu vào Ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên đối với đặc thù của loại tội phạm này do xuất phát từ giao dịch dân sự, những người vay tiền của bị cáo đều với mục đích phục vụ sinh hoạt, phục vụ cuộc sống hàng ngày, người vay đã phải chịu lãi nặng. Bởi vậy, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người vay cần buộc các bị cáo phải trả lại cho người vay số tiền lãi đã thu từ mức lãi suất 121,6% đến 182,5% với tổng số tiền là 37.321.300 đồng với tỷ phần các bị cáo liên đới phải trả lại như sau bị cáo Nguyễn Q 30% bằng 11.196.390 đồng; bị cáo Trương Nh 70% bằng 26.124.910 đồng cụ thể:

1. Chị Đoàn G, sinh năm 1972, địa chỉ: Quý Kim 2, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng số tiền là 222.800 đồng (trong đó bị cáo Trương Nh phải trả lại là 155.960 đồng; bị cáo Nguyễn Q phải trả lại là 66.840 đồng)

2. Chị Phạm H, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 4/31, Phú Hải 2, Anh Dũng, Dương Kinh, thành phố Hải Phòng số tiền là 356.100 đồng. (Trong đó bị cáo Trương Nh phải trả lại là 249.270 đồng; bị cáo Nguyễn Q phải trả lại là 106.830 đồng)

3. Anh Nguyễn Q, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 10, thôn Tiểu Trà, phường Hưng Đạo, Dương Kinh, thành phố Hải Phòng, số tiền là 445.200 đồng. . (Trong đó bị cáo Trương Nh phải trả lại là 311.640 đồng; bị cáo Nguyễn Q phải trả lại là 133.560 đồng)

4. Chị Phạm N, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn Phong Cầu, xã Đại Đồng, Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng, số tiền là 267.100 đồng. (Trong đó bị cáo Trương Nh phải trả lại là 186.970 đồng; bị cáo Nguyễn Q phải trả lại là 80.130 đồng)

5. Chị Hoàng H, sinh năm 1973; địa chỉ: Xã Đại Đồng, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng, ngày 27/3/2019 số tiền là 356.100 đồng. (Trong đó bị cáo Trương Nh phải trả lại là 249.270 đồng; bị cáo Nguyễn Q phải trả lại là 106.830 đồng)

6. Chị Đặng T, sinh năm 1982 địa chỉ: Tổ dân phố Hòa Bình, phường Ngọc Hải, Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng số tiền là 690.300 (Sáu trăm chín mươi nghìn ba trăm) đồng . (Trong đó bị cáo Trương Nh phải trả lại là 483.210 đồng; bị cáo Nguyễn Q phải trả lại là 207.090 đồng)

7. Chị Hoàng L, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 14, Phú Hải 3, Anh Dũng, Dương Kinh, thành phố Hải Phòng, số tiền là 422.900 đồng. (Trong đó bị cáo Trương Nh phải trả lại là 296.030 đồng; bị cáo Nguyễn Q phải trả lại là 126.870 đồng).

8. Anh Phạm C, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ 6, phường Bằng La, Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng số tiền là 1.058.400 đồng. (Trong đó bị cáo Trương Nh phải trả lại là 740.880 đồng; bị cáo Nguyễn Q phải trả lại là 317.520 đồng).

9. Anh Đoàn T, sinh năm 2001; địa chỉ: Phường Bằng La, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng số tiền là 793.800 đồng. . (Trong đó bị cáo Trương Nh phải trả lại là 555.660 đồng; bị cáo Nguyễn Q phải trả lại là 238.140 đồng).

10. Anh Đoàn Đ, sinh năm 1975, địa chỉ: Thôn Đại Trà, Đông Phương, Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng số tiền là 1.058.400 đồng. (Trong đó bị cáo Trương Nh phải trả lại là 740.880 đồng; bị cáo Nguyễn Q phải trả lại là 317.520 đồng).

11. Anh Nguyễn L, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 329 Hợp Đức, Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, số tiền là 1.740.800 đồng. (Trong đó bị cáo Trương Nh phải trả lại là 1.218.560 đồng; bị cáo Nguyễn Q phải trả lại là 522.240 đồng).

12. Bà Lưu Đ, sinh năm 1952; địa chỉ: Hang Vẹt, Vạn Hương, Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng số tiền là 752.000 đồng. (Trong đó bị cáo Trương Nh phải trả lại là 526.400 đồng; bị cáo Nguyễn Q phải trả lại là 225.600 đồng).

13. Anh Phạm L, sinh năm 1969; địa chỉ: Khu tập thể Trường THPT Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng số tiền là 1.559.700 đồng. (Trong đó bị cáo Trương Nh phải trả lại là 1.091.790 đồng; bị cáo Nguyễn Q phải trả lại là 467.910 đồng).

14. Anh Lê C, sinh năm 1975; địa chỉ: Minh Đức, Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng số tiền là 4.735.000 đồng. (Trong đó bị cáo Trương Nh phải trả lại là 3.314.500 đồng; bị cáo Nguyễn Q phải trả lại là 1.420.500 đồng).

15. Bà Bùi L, sinh năm 1950; địa chỉ: Số 18/ 205 Tôn Đức Thắng, An Dương, Lê Chân, thành phố Hải Phòng số tiền là 11.280.500 đồng (Trong đó bị cáo Trương Nh phải trả lại là 7.896.350 đồng; bị cáo Nguyễn Q phải trả lại là 3.384.150 đồng).

16. Chị Đỗ T, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ 5 Vạn Hương, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, số tiền là 801.300 đồng. (Trong đó bị cáo Trương Nh phải trả lại là 560.910 đồng; bị cáo Nguyễn Q phải trả lại là 240.390 đồng).

17. Chị Phạm L, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 2, Hợp Đức, Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng số tiền là 2.761.600 đồng. (Trong đó bị cáo Trương Nh phải trả lại là 1.933.120 đồng; bị cáo Nguyễn Q phải trả lại là 828.480 đồng).

18. Anh Lê H, sinh năm 1982; địa chỉ: Cụm dân cư số 1, TDP Nguyễn Huệ, phường Minh Đức, Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, số tiền là 3.063.800 đồng.(Trong đó bị cáo Trương Nh phải trả lại là 2.144.660 đồng; bị cáo Nguyễn Q phải trả lại là 919.140 đồng).

19. Anh Đặng Đ, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn Lão Phú, xã Tân Phong, Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng số tiền là 2.761.600 đồng. (Trong đó bị cáo Trương Nh phải trả lại là 1.933.120 đồng; bị cáo Nguyễn Q phải trả lại là 828.480 đồng).

20. Bà Nguyễn C, sinh năm 1955; địa chỉ: TDP Biên Hòa, Bàng La, Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng số tiền là 1.392.600 đồng. (Trong đó bị cáo Trương Nh phải trả lại là 974.820 đồng; bị cáo Nguyễn Q phải trả lại là 417.780 đồng).

21. Chị Trần H, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 28 Phân Dũng, Anh Dũng, Dương Kinh, thành phố Hải Phòng số tiền là 801.300 đồng. (Trong đó bị cáo Trương Nh phải trả lại là 560.910 đồng; bị cáo Nguyễn Q phải trả lại là 240.390 đồng).

[13] *Về vật chứng:*

- 01 xe máy biển kiểm soát 15B1 -636.49 thu của bị cáo Trương Nh là của mẹ bị cáo bà Nguyễn Thị Huệ do đó cần trả lại cho bà Nguyễn Thị Huệ.

- 01 điện thoại Iphone 6 màu trắng số Imei 359169075628713, Model A1660 thu của bị cáo Nguyễn Q; 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng số Imei 354403063795163, Model A1549 thu của bị cáo Trương Nh liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- Số tiền 5.350.000 đồng thu giữ trong người bị cáo Trương Nh liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo cần cộng vào số tiền gốc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã trả để tịch thu sung Ngân sách Nhà nước .

[14] *Về án phí:* Các bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự xử:

1. Phạt tiền bị cáo **Nguyễn Q** số tiền 60 (*Sáu mươi triệu*) đồng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Phạt tiền bị cáo **Trương Nh** số tiền 50 (*Năm mươi triệu*) đồng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Kiến nghị cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ hành vi của các đối tượng Nguyễn Thanh Hải; người phụ nữ tên Hạnh là người bị cáo Nguyễn Q thuê làm kế toán để tránh bỏ lọt người phạm tội.

- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ đến vụ án phải nộp vào Ngân sách Nhà nước tổng số tiền **249.089.000** (*Hai trăm bốn mươi chín triệu không trăm tám mươi chín nghìn*) đồng cụ thể như sau:

1. Chị **Đoàn H**, sinh năm 1972; địa chỉ: Quý Kim 2, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, Hải Phòng, ngày 08/4/2019 phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 18.664.000 (*mười tám triệu sáu trăm sáu mươi tư nghìn*) đồng.

2. Chị **Phạm H**, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 4/31, Phú Hải 2, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 8.000.000 (*Tám triệu*) đồng.

3. Anh **Nguyễn Q**, sinh năm 1982; địa chỉ: Tô 10, Tiểu Trà, phường Hưng Đạo, Dương Kinh, Hải Phòng phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 7.500.000 (*Bảy triệu năm trăm nghìn*) đồng.

4. Bà **Phạm N**, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn Phong Cầu, xã Đại Đồng, Kiến Thụy, Hải Phòng phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 3.500.000 (*Ba triệu năm trăm nghìn*) đồng.

5. Chị **Hoàng H**, sinh năm 1973; địa chỉ: Xã Đại Đồng, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng, ngày 27/3/2019 phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 3.000.000 (*Ba triệu*) đồng.

6. Chị **Đặng T**, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố Hòa Bình, phường Ngọc Hải, Đồ Sơn, Hải Phòng, ký vay 02 hợp đồng tổng số tiền 11.000.000 (*Mười một triệu*) đồng cụ thể

- Hợp đồng 1: Phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 8.000.000 (*Tám triệu*) đồng

- Hợp đồng 2: Phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 3.000.000 (*Ba triệu*) đồng

7. Chị **Hoàng L**, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 14, Phú Hải 3, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 2.625.000 (*Hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn*) đồng

8. Anh **Phạm C**, sinh năm 1971; địa chỉ: Tô 6, phường Bàng La, Đồ Sơn, Hải Phòng phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 13.654.000 (*Mười ba triệu sáu trăm năm mươi tư nghìn*) đồng

9. Anh **Đoàn T**, sinh năm 2001; địa chỉ: Bằng La, quận Đồ Sơn, Hải Phòng phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 10.250.000 (*mười triệu hai trăm năm mươi nghìn*) đồng

10. Anh **Đoàn Đ**, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn Đại Trà, xã Đông Phương, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 13.654.000 (*Mười ba triệu sáu trăm năm mươi tư nghìn*) đồng

11. Chị **Nguyễn L**, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 329 Hợp Đức, quận Đồ Sơn, Hải Phòng phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 14.583.000 (*Mười bốn triệu năm trăm tám mươi ba nghìn*) đồng

12. Bà **Lưu Đ**, sinh năm 1952; địa chỉ: Hang Vẹt, phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn, Hải Phòng phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 5.500.000 (*Năm triệu năm trăm nghìn*) đồng

13. Bà **Phạm L**, sinh năm 1969; địa chỉ: Khu tập thể Trường THPT quận Đồ Sơn, Hải Phòng phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 10.666.000 (*Mười triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn*) đồng

14. Anh **Lê C**, sinh năm 1975; địa chỉ: Phường Minh Đức, quận Đồ Sơn, Hải Phòng phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền số tiền 21.666.000 (*Hai mươi một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn*) đồng

15. Bà **Bùi L**, sinh năm 1950; địa chỉ: Số 18/ 205 Tôn Đức Thắng, An Dương, Lê Chân, Hải Phòng, phải nộp vào Ngân sách Nhà nước tổng số tiền 32.501.000 (*Ba mươi hai triệu năm trăm không một nghìn*) đồng vay của 02 hợp đồng cụ thể: Hợp đồng 1: phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền số tiền 13.334.000 (*mười ba triệu ba trăm ba mươi tư nghìn*) đồng; Hợp đồng thứ 2: phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền số tiền 19.167.000 (*Mười chín triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn*) đồng

16. Chị **Đỗ T**, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ 5 Vạn Hương, quận Đồ Sơn, Hải Phòng phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 5.500.000 (*Năm triệu năm trăm nghìn*) đồng vay 02 hợp đồng cụ thể: Hợp đồng 1: phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền số tiền 1.750.000 (*Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn*) đồng và Hợp đồng 2: phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền số tiền 3.750.000 (*Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn*) đồng

17. Chị **Phạm L**, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 2, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, Hải Phòng phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 9.000.000 (*Chín triệu*) đồng

18. Anh **Lê H**, sinh năm 1982; địa chỉ: Cụm dân cư số 1, TDP Nguyễn Huệ, phường Minh Đức, quận Đồ Sơn, Hải Phòng phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 1.666.000 (*Một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn*) đồng

19. **Đặng Đ**, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn Lão Phú, xã Tân Phong, Kiên Thụy phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 9.000.000 (*Chín triệu*) đồng.

20. Bà **Nguyễn C**, sinh năm 1955; địa chỉ: TDP Biên Hòa, phường Bằng La, quận Đồ Sơn, Hải Phòng phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 41.660.000 (*bốn mươi một triệu sáu trăm sáu mươi nghìn*) đồng

21. Chị **Trần H**, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 28 Phan Dũng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, Hải Phòng phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 5.500.000 (*Năm triệu năm trăm nghìn*) đồng.

- Buộc bị cáo **Nguyễn Q** phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 215.561.000 (*Hai trăm mười lăm triệu năm trăm sáu mươi một nghìn*) đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Q và Trương Nh phải liên đới nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 6.853.700 (*Sáu triệu tám trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm*) đồng tiền lãi cụ thể: Bị cáo Trương Nh phải nộp số tiền 4.797.590 (*Bốn triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm chín mươi*) đồng; bị cáo Nguyễn Q số tiền 2.056.110 (*Hai triệu không trăm năm mươi sáu nghìn một trăm mười*) đồng.

- *Về thu lợi bất chính*: Buộc bị cáo **Nguyễn Q, Trương Nh** phải liên đới trả lại số tiền **37.321.300** (*Ba mươi bảy triệu ba trăm hai mươi một nghìn ba trăm*) đồng cho 21 người có quyền lợi liên quan đến vụ án theo kỹ phân bị cáo Trương Nh 70% tương ứng với số tiền là 26.124.910 đồng; bị cáo Nguyễn Q 30% tương ứng với số tiền là 11.196.390 đồng cụ thể:

1. Chị Đoàn H, sinh năm 1972, địa chỉ: Quý Kim 2, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng số tiền là 222.800 (Hai trăm hai mươi hai nghìn tám trăm) đồng (trong đó bị cáo Trương Nh phải trả lại là 155.960 đồng; bị cáo Nguyễn Q phải trả lại là 66.840 đồng)

2. Chị Phạm H, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 4/31, Phú Hải 2, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng số tiền là 356.100 (Ba trăm năm mươi sáu nghìn một trăm) đồng. (Trong đó bị cáo Trương Nh phải trả lại là 249.270 đồng; bị cáo Nguyễn Q phải trả lại là 106.830 đồng)

3. Anh Nguyễn Q, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 10, thôn Tiểu Trà, phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng, số tiền là 445.200 (Bốn trăm bốn mươi tư nghìn hai trăm) đồng. (Trong đó bị cáo Trương Nh phải trả lại là 311.640 đồng; bị cáo Nguyễn Q phải trả lại là 133.560 đồng)

4. Chị Phạm N, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn Phong Cầu, xã Đại Đồng, huyện Kiên Thụy, thành phố Hải Phòng, số tiền là 267.100 (Hai trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm) đồng. (Trong đó bị cáo Trương Nh phải trả lại là 186.970 đồng; bị cáo Nguyễn Q phải trả lại là 80.130 đồng)

5. Chị Hoàng H, sinh năm 1973; địa chỉ: Xã Đại Đồng, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng, ngày 27/3/2019 số tiền là 356.100 (Ba trăm năm mươi sáu nghìn một trăm) đồng. (Trong đó bị cáo Trương Nh phải trả lại là 249.270 đồng; bị cáo Nguyễn Q phải trả lại là 106.830 đồng)

6. Chị Đặng T, sinh năm 1982 địa chỉ: Tổ dân phố Hòa Bình, phường Ngọc Hải, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng số tiền là 690.300 (Sáu trăm chín mươi nghìn ba trăm) đồng. (Trong đó bị cáo Trương Nh phải trả lại là 483.210 đồng; bị cáo Nguyễn Q phải trả lại là 207.090 đồng)

7. Chị Hoàng L, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 14, Phú Hải 3, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng, số tiền là 422.900 (Bốn trăm hai mươi hai nghìn chín trăm) đồng. (Trong đó bị cáo Trương Nh phải trả lại là 296.030 đồng; bị cáo Nguyễn Q phải trả lại là 126.870 đồng).

8. Anh Phạm C, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ 6, phường Bàng La, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng số tiền là 1.058.400 (Một triệu không trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm) đồng. (Trong đó bị cáo Trương Nh phải trả lại là 740.880 đồng; bị cáo Nguyễn Q phải trả lại là 317.520 đồng).

9. Anh Đoàn T, sinh năm 2001; địa chỉ: Phường Bàng La, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng số tiền là 793.800 (Bảy trăm chín mươi ba nghìn tám trăm) đồng. (Trong đó bị cáo Trương Nh phải trả lại là 555.660 đồng; bị cáo Nguyễn Q phải trả lại là 238.140 đồng).

10. Anh Đoàn Đ, sinh năm 1975, địa chỉ: Thôn Đại Trà, xã Đông Phương, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng số tiền là 1.058.400 (Một triệu không trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm) đồng. (Trong đó bị cáo Trương Nh phải trả lại là 740.880 đồng; bị cáo Nguyễn Q phải trả lại là 317.520 đồng).

11. Anh Nguyễn L, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 329 Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, số tiền là 1.740.800 (Một triệu bảy trăm bốn mươi nghìn tám trăm) đồng. (Trong đó bị cáo Trương Nh phải trả lại là 1.218.560 đồng; bị cáo Nguyễn Q phải trả lại là 522.240 đồng).

12. Bà Lưu Đ, sinh năm 1952; địa chỉ: Hang Vẹt, phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng số tiền là 752.000 (Bảy trăm năm mươi hai nghìn) đồng. (Trong đó bị cáo Trương Nh phải trả lại là 526.400 đồng; bị cáo Nguyễn Q phải trả lại là 225.600 đồng).

13. Anh Phạm L, sinh năm 1969; địa chỉ: Khu tập thể Trường THPT Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng số tiền là 1.559.700 (Một triệu năm trăm lăm mươi chín nghìn bảy trăm) đồng. (Trong đó bị cáo Trương Nh phải trả lại là 1.091.790 đồng; bị cáo Nguyễn Q phải trả lại là 467.910 đồng).

14. Anh Lê C, sinh năm 1975; địa chỉ: Phường Minh Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng số tiền là 4.735.000 (Bốn triệu bảy trăm ba mươi năm nghìn) đồng. (Trong đó bị cáo Trương Nh phải trả lại là 3.314.500 đồng; bị cáo Nguyễn Q phải trả lại là 1.420.500 đồng).

15. Bà Bùi L, sinh năm 1950; địa chỉ: Số 18/ 205 Tôn Đức Thắng, An Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng số tiền là 11.280.500 (Mười một triệu hai trăm tám mươi nghìn năm trăm) đồng (Trong đó bị cáo Trương Nh phải trả lại là 7.896.350 đồng; bị cáo Nguyễn Q phải trả lại là 3.384.150 đồng).

16. Chị Đỗ T, sinh năm 1975; địa chỉ: Tô 5 Vạn Hương, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, số tiền là 801.300 (Tám trăm linh một nghìn ba trăm) đồng. (Trong đó bị cáo Trương Nh phải trả lại là 560.910 đồng; bị cáo Nguyễn Q phải trả lại là 240.390 đồng).

17. Chị Phạm L, sinh năm 1984; địa chỉ: Tô 2, Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng số tiền là 2.761.600 (Hai triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm) đồng. (Trong đó bị cáo Trương Nh phải trả lại là 1.933.120 đồng; bị cáo Nguyễn Q phải trả lại là 828.480 đồng).

18. Anh Lê H, sinh năm 1982; địa chỉ: Cụm dân cư số 1, TDP Nguyễn Huệ, phường Minh Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, số tiền là 3.063.800 (Ba triệu không trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm) đồng. (Trong đó bị cáo Trương Nh phải trả lại là 2.144.660 đồng; bị cáo Nguyễn Q phải trả lại là 919.140 đồng).

19. Anh Đặng Đ, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn Lão Phú, xã Tân Phong, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng số tiền là 2.761.600 (Hai triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm) đồng. (Trong đó bị cáo Trương Nh phải trả lại là 1.933.120 đồng; bị cáo Nguyễn Q phải trả lại là 828.480 đồng).

20. Bà Nguyễn C, sinh năm 1955; địa chỉ: TDP Biên Hòa, phường Bàng La, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng số tiền là 1.392.600 (Một triệu ba trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm) đồng. (Trong đó bị cáo Trương Nh phải trả lại là 974.820 đồng; bị cáo Nguyễn Q phải trả lại là 417.780 đồng).

21. Chị Trần H, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 28 Phấn Dũng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng số tiền là 801.300 (Tám trăm linh một nghìn ba trăm) đồng. (Trong đó bị cáo Trương Nh phải trả lại là 560.910 đồng; bị cáo Nguyễn Q phải trả lại là 240.390 đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền thu lợi bất chính thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- *Về xử lý vật chứng*: Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: Số tiền 5.350.000 (Năm triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng thu giữ trong người bị cáo Trương Nh; 01 (Một) điện thoại Iphone 6 màu trắng số Imei 359169075628713, Model A1660 thu của bị cáo Nguyễn Q; 01 (Một) điện thoại Iphone 6 màu vàng số Imei 354403063795163, Model A1549 thu của bị cáo Trương Nh

- Trả lại 01 (Một) xe máy biển kiểm soát 15B1 -636.49 thu của bị cáo Trương Nh cho bà Nguyễn H (là mẹ của bị cáo Trương Nh), sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ 27, Khu 4 Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- *Về án phí*: Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm; buộc bị cáo Nguyễn Q chịu án phí dân sự phần bị cáo trả lại tiền cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là 186.000 (Một trăm tám mươi sáu nghìn) đồng.

- *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (Có mặt) được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười năm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (Vắng mặt) được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười năm) ngày kể từ nhận được Bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Luyến

Đỗ Xuân Quyết

Trần Thị Thu Hà

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSNDCC;
- Vụ 1 TANDTC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV27 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo;
- Trại tạm giam CATP Hải Phòng;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA
- Lưu: HS, HCTP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hà

